

NGŨ CẢNH

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được khái niệm ngữ cảnh trong hoạt động giao tiếp ngôn ngữ cùng với những nhân tố của nó.
- Biết nói và viết phù hợp với ngữ cảnh, có năng lực nhận thức và lĩnh hội được lời nói trong mối quan hệ với ngữ cảnh.

I - KHÁI NIỆM

1. Nếu đột nhiên nghe được câu “*Giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?*”, ta sẽ hiểu như thế nào về những nội dung sau đây trong câu đó :

– Câu nói trên là của ai nói với ai ? Đó là những người như thế nào và có quan hệ với nhau ra sao ?

– Câu đó được nói ở đâu, lúc nào ?

– *Họ* trong câu nói chỉ ai ?

– *Chưa ra* là hoạt động như thế nào ? Theo hướng từ đâu đến đâu ?

– *Giờ muộn thế này* là nói đến khoảng thời gian nào ? v.v...

Có thể khẳng định : Nếu đột nhiên nghe được câu nói này, không biết bối cảnh sử dụng nó thì không một ai có thể trả lời được những câu hỏi trên.

2. Đặt câu nói trên vào bối cảnh phát sinh ra nó mà người đọc biết qua lời kể của tác giả truyện ngắn *Hai đứa trẻ* :

Đêm tối đối với Liên quen lắm, chị không sợ nó nữa. Tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại càng sẫm đen hơn nữa. Giờ chỉ còn ngọn đèn con của chị Tí, và cả cái bếp lửa của bác Siêu, chiếu sáng một vùng đất cát ; trong cửa hàng, ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vắn nhỏ, thưa thớt từng hạt sáng lọt qua phên nứa. Tất cả phố xá trong huyện bây giờ đều thu nhỏ lại nơi hàng nước của chị Tí. Thêm được một gia đình bác xẩm ngồi trên manh chiếu, cái thau sắt trắng để trước mặt, nhưng bác chưa hát vì chưa có khách nghe.

Chị Tí phe phẩy cànch chuối khô đuổi ruồi bò trên mấy thức hàng, chậm rãi nói :

– Giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ ?

(Thạch Lam, *Hai đứa trẻ*)

Qua đoạn trích, ta biết một số thông tin về bối cảnh của câu nói trên :

– Câu nói đó là của chị Tí – người bán hàng nước. Chị Tí nói câu đó với những người bạn nghèo của chị cũng làm nghề kiếm ăn nhỏ : chị em Liên bán hàng xén, bác Siêu bán phở, gia đình bác Xẩm,...

– Chị Tí nói câu đó ở phố huyện nhỏ, vào một buổi tối, trong lúc mọi người đều chờ khách hàng.

– Chị Tí nói đến “họ”, tức : “Mấy người phu gạo hay phu xe, thỉnh thoảng mấy chú lính lệ trong huyện hay người nhà thầy thừa đi gọi chân tổ tôm, cao hứng vào hàng chị uống bát nước chè tươi và hút điếu thuốc lào.”. Điều này ở đoạn trước và sau câu nói đó của chị Tí, tác giả đã cho biết.

– Rộng hơn nữa, câu nói trên diễn ra trong bối cảnh xã hội Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.

Nhờ bối cảnh trên, ta cũng mới hiểu rõ vì sao vừa chập tối (chị em Liên mới thu hàng, chị Tí mới bày hàng, bác Siêu mới gánh phở đến, gia đình bác Xẩm còn chưa hát,...) mà chị Tí đã cho là “muộn thế này”, và hoạt động của những người được nói đến (*họ*) lại được chị Tí biểu hiện bằng từ “ra” (*họ* đi từ trong huyện ra phố), và ta mới cảm được cả sự khát khao chờ đợi của chị đối với “họ” – những khách hàng – thượng đế ! Đồng thời ta cũng mới hiểu rằng : Chị Tí nói với những người cùng cảnh ngộ, gần gũi nên lời của chị có thể trống không, không cần những từ ngữ xưng hô, và tuy dưới hình thức câu hỏi nhưng lại để bộc lộ một sự khát khao, mong đợi.

Có thể nói rằng mỗi câu đều được sản sinh ra trong một bối cảnh nhất định và chỉ được lĩnh hội đầy đủ, chính xác trong bối cảnh của nó. Bối cảnh đó được gọi là ngữ cảnh. Vậy ngữ cảnh chính là bối cảnh ngôn ngữ, ở đó người nói (người viết) sản sinh ra lời nói thích ứng, còn người nghe (người đọc) căn cứ vào đó để lĩnh hội được đúng lời nói.

II - CÁC NHÂN TỐ CỦA NGỮ CẢNH

1. Nhân vật giao tiếp

Cùng với người nói (người viết) có thể có một hoặc nhiều người khác tham gia hoạt động giao tiếp (gọi chung là các nhân vật giao tiếp). Các nhân vật giao tiếp có quan hệ tương tác, đóng vai người nói (người viết), vai người nghe (người đọc). Quan hệ của các nhân vật giao tiếp, vị thế của họ so với nhau luôn luôn chi phối nội dung và hình thức của lời nói, câu văn.

Chẳng hạn, trong ví dụ vừa dẫn trên đây, chị Tí nói với những người quen biết, cùng bán hàng quán nhỏ nơi phố huyện. Cho nên câu nói mang sắc thái thân mật, gần gũi (cách nói trống không, việc dùng từ tình thái *nhỉ,...*), nội dung nói về một chuyện hằng ngày trong cuộc sống.

2. Bối cảnh ngoài ngôn ngữ

– *Bối cảnh giao tiếp rộng*: Đó là toàn bộ những nhân tố xã hội, địa lí, chính trị, kinh tế, văn hoá, phong tục, tập quán,... của cộng đồng ngôn ngữ. Nó tạo nên bối cảnh văn hoá của một đơn vị ngôn ngữ, một sản phẩm ngôn ngữ.

Trong ví dụ dẫn trên, bối cảnh văn hoá của câu nói của chị Tí là xã hội Việt Nam vào những năm trước Cách mạng tháng Tám. Lúc đó, đời sống của người dân, nhất là những người bán hàng nhỏ nơi phố huyện rất lam lũ, nghèo khổ. Họ luôn luôn mong đợi, ao ước một cuộc sống tươi sáng hơn.

Đối với văn bản văn học, bối cảnh văn hoá cũng chính là hoàn cảnh sáng tác (ra đời) của cả tác phẩm. Nó chi phối cả nội dung và hình thức ngôn ngữ (trong đó có từ, ngữ, câu, đoạn,...) của tác phẩm.

– *Bối cảnh giao tiếp hẹp*: Đó là nơi chốn, thời gian phát sinh câu nói cùng với những sự việc, hiện tượng xảy ra xung quanh. Trong ví dụ trên, câu nói có bối cảnh hẹp là trên đường phố huyện, nơi bán hàng nhỏ, vào lúc trời tối, mọi người đang chờ đợi khách hàng. Bối cảnh giao tiếp hẹp tạo nên những tình huống của từng câu nói.

Đối với giao tiếp ngôn ngữ, tình huống luôn thay đổi. Từ đó quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp, vị thế giao tiếp, tình cảm, cảm xúc của mỗi người cũng tùy tình huống mà thay đổi. Tất cả sự thay đổi ở tình huống đều chi phối nội dung và hình thức của các câu nói.

– *Hiện thực được nói tới*: Đó có thể là hiện thực bên ngoài các nhân vật giao tiếp, có thể là hiện thực tâm trạng của con người. Hiện thực được nói tới tạo nên phần nghĩa sự việc của câu. Câu nói của chị Tí trên đây đề cập đến hiện tượng những chú lính lệ trong huyện, những người nhà thầy thừa chưa ra phố và đến hàng của chị uống nước, hút thuốc như mọi tối khác.

3. Văn cảnh

Ở hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, ngữ cảnh của một đơn vị ngôn ngữ còn là văn cảnh xuất hiện của nó. Văn cảnh có thể là lời đối thoại hoặc đơn thoại, có thể ở dạng nói hoặc dạng viết. Trong mọi trường hợp, các đơn vị ngôn ngữ (âm, tiếng, từ, ngữ, câu, đoạn,...) đi trước và đi sau một đơn vị ngôn ngữ nào đó tạo nên văn cảnh của nó. Cũng như bối cảnh nói chung, văn cảnh vừa là cơ sở cho việc sử dụng, vừa là cơ sở cho việc lĩnh hội đơn vị ngôn ngữ.

Ví dụ, trong bài thơ *Câu cá mùa thu* của Nguyễn Khuyến, sử dĩ tác giả có thể dùng từ *cần* (trong câu *Tựa gối buông cần lâu chẳng được*) mà không cần viết đầy đủ là *cần câu*, người đọc vẫn có thể hiểu rõ ràng ý nghĩa của nó là nhờ trong bài thơ, trước từ *cần* đã có các từ ngữ *ao thu, nước, thuyền câu, sóng* và sau đó có các từ ngữ *cá, đớp động, chân bèo,...* Các từ ngữ này và nói chung tất cả các từ ngữ, câu thơ trong bài tạo nên ngữ cảnh cho từ *cần*; ngữ cảnh đó làm cơ sở cho người viết dùng từ *cần*, và người đọc hiểu được nó.

III - VAI TRÒ CỦA NGỮ CẢNH

1. Đối với người nói (người viết) và quá trình sản sinh lời nói, câu văn

Ngữ cảnh chính là môi trường sản sinh ra lời nói, câu văn. Do đó ngữ cảnh luôn luôn ảnh hưởng và chi phối nội dung và hình thức của câu. Câu nói cần được sản sinh ra sao cho thích hợp với ngữ cảnh (với các nhân vật giao tiếp, với bối cảnh rộng và hẹp, với hiện thực được đề cập đến, với văn cảnh,...). Hơn nữa, chính ngữ cảnh để lại dấu ấn trong câu. Đây chính là mối quan hệ giữa môi trường và sản phẩm tạo ra trong môi trường ấy.

2. Đối với người nghe (người đọc) và quá trình lĩnh hội lời nói, câu văn

Muốn lĩnh hội chính xác, có hiệu quả lời nói, câu văn, người nghe (người đọc) cần căn cứ vào ngữ cảnh rộng và hẹp. Phải gắn từ ngữ, câu với ngữ cảnh sử dụng của nó, với từng tình huống và diễn biến cụ thể để có thể phân tích, tìm hiểu và lí giải thấu đáo, hiểu được cặn kẽ từng chi tiết về nội dung và hình thức.

GHI NHỚ

- Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ làm cơ sở cho việc sử dụng từ ngữ và tạo lập lời nói, đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội thấu đáo lời nói.
- Ngữ cảnh bao gồm : nhân vật giao tiếp, bối cảnh rộng và hẹp, hiện thực được đề cập đến, văn cảnh.
- Ngữ cảnh có vai trò quan trọng cả với quá trình tạo lập và quá trình lĩnh hội lời nói.

LUYỆN TẬP

1. Căn cứ vào ngữ cảnh (hoàn cảnh sáng tác), hãy phân tích những chi tiết được miêu tả trong hai câu sau :

Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa ; mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.

Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan ; ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ.

(Nguyễn Đình Chiểu, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)

2. Xác định hiện thực được nói tới trong hai câu thơ :

Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,

Trơ cái hồng nhan với nước non.

(Hồ Xuân Hương, Tự tình – bài II)

3. Vận dụng hiểu biết về ngữ cảnh để lí giải những chi tiết về hình ảnh bà Tú trong bài thơ *Thương vợ* của Tú Xương.

4. Đọc những câu thơ sau trong bài thơ *Vịnh khoa thi Hương* của Tú Xương và cho biết những yếu tố nào trong ngữ cảnh đã chi phối nội dung của những câu đó.

– *Nhà nước ba năm mở một khoa,*
Trường Nam thi lẫn với trường Hà.

– *Lọng cắm rợp trời quan sứ đến,*
Váy lê quét đất mụ đầm ra.

5. Trên đường đi, hai người không quen biết gặp nhau, một người hỏi : “*Thưa bác, bác có đồng hồ không ạ ?*”. Trong ngữ cảnh đó, câu hỏi cần được hiểu như thế nào ? Nó nhằm mục đích gì ?